

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM NGHỆ AN



ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH NĂM 2020

NGHỆ AN, 05/2020

Số: 14 /ĐA-CĐSPNA

Nghệ An, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2020**

I. Thông tin chung về nhà trường

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở

1.1. Tên trường

- Tên Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
- Tên Tiếng Anh: Nghe An College of Education

1.2. Sứ mệnh

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An là đơn vị sự nghiệp công lập, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao đẳng chất lượng cao; là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng đạt trình độ tiên tiến; cung cấp nguồn nhân lực giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà và của cả nước; là nơi cùng nhau kiến tạo cơ hội, xây dựng tương lai.

1.3. Địa chỉ

- Cơ sở 1: Số 389, đường Lê Việt Thuật, xã Hưng Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Cơ sở 2: Số 32, đường Hồ Sỹ Dương, phường Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Cổng thông tin điện tử của nhà trường: <http://cdspna.edu.vn>

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2019 (người học)

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Chính quy	575							575
3	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non								
3.1	Chính quy	575							575
3.2	Liên thông chính quy từ trung cấp lên cao đẳng								
3.3	Đào tạo trình độ cao chính quy đẳng đối với người đã có bằng cao đẳng các ngành khác								

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
II	Vừa làm vừa học	130							130
2	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non								
2.1	Vừa làm vừa học								
2.2	Liên thông vừa làm vừa học từ trung cấp lên cao đẳng	130							130
2.3	Đào tạo trình độ cao đẳng vừa làm vừa học đối với người đã có bằng cao đẳng các ngành khác								

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

- Xét tuyển từ kết quả Kỳ thi THPT quốc gia (kết hợp kết quả thi môn Đọc hiểu cảm - Hát).
- Xét tuyển từ kết quả ghi trên học bạ THPT (kết hợp kết quả thi môn Đọc hiểu cảm - Hát).

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (Lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/ Tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2018			Năm tuyển sinh 2019		
	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành/ Nhóm ngành I* - Giáo dục Mầm non Tổ hợp 1 (M00):	90	105	15.00	220	152	16.0
Tổng	90	105	X	220	152	X

II. Các thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất của trường: 82.987 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1.360 chỗ
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường trên một sinh viên chính quy: 9,31 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	79	5557
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1656
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	6	564
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	38	1786
1.5	Số phòng học đa phương tiện	33	1551
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	0	0
2	Thư viện, trung tâm học liệu	16	375
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	25	1175
	Tổng	120	7107

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Phòng máy tính thực hành: 05 phòng
- Phòng thí nghiệm: 06 phòng
- Phòng nghiệp vụ: 05 phòng
- Phòng Nghe - Nhìn: 39 phòng
- Phòng Đàn: 03 phòng
- Phòng thực hành dinh dưỡng: 01 phòng
- Phòng Múa: 03 phòng
- Phòng học tiếng nước ngoài: 01 phòng

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
1.	Phòng thực hành máy tính	1. Máy tính: 125 bộ 2. Ổn áp: 05 cái 3. Switch: 06 4. Màn hình lớn: 02 cái	Nhóm ngành 1
2.	Phòng thí nghiệm	1. Tủ sấy Unicep: 01 2. Tủ nuôi cấy tế bào: 01 3. Máy đo cường độ ánh sáng: 01 4. Máy li tâm micro 12/24: 01 5. Máy cất nước thủy tinh: 01 6. Cân phân tích thường TG 628A: 01 7. Máy li tâm chạy điện: 01 8. Máy đo điện tích lá: 01	Nhóm ngành 1

TT	Tên	Danh mục thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
3.	Phòng nghiệp vụ	1. Ti vi màn hình lớn: 02 2. Các thiết bị khác liên quan đến ngành học	Nhóm ngành 1
4.	Phòng Nghe - Nhìn	1. Máy chiếu: 07 2. Ti vi: 32 3. Loa: 06 4. Tăng âm: 06 5. Micro: 06	Nhóm ngành 1
5.	Phòng Đàn	Đàn Ogan Yamaha: 41	Nhóm ngành 1
6.	Phòng thực hành dinh dưỡng	1. Tủ lạnh: 01 2. Bếp ga: 03 3. Nồi cơm điện: 03 4. Nồi áp suất: 02 5. Máy xay sinh tố: 02 6. Các loại nồi niêu, xoong chảo, chén bát, rổ rá, xô chậu và các dụng cụ khác.	Nhóm ngành 1
7.	Phòng Múa	1. Ti vi: 03 2. Đầu đĩa: 03 3. Các loại thiết bị dạy múa khác.	Nhóm ngành 1
8.	Phòng học tiếng nước ngoài	1. Máy chiếu: 01 2. Máy tính: 01 3. Bộ đọc - ghi bài giảng của giảng viên: 02 4. Khối thiết bị điều khiển của học viên: 40	Nhóm ngành 1
9.	Trang thiết bị cho các phòng làm việc	1. Máy tính: 95 bộ 2. Máy tính chủ: 05 bộ 3. Máy in: 47 cái 4. Máy photocopy: 02 cái 5. Radio cassette: 11 cái	Nhóm ngành 1

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) **trong thư viện**

TT	Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành	Số lượng
1	Nhóm ngành I	3093
2	Nhóm ngành II	149
3	Nhóm ngành III	44
4	Nhóm ngành V	120
5	Nhóm ngành VII	313

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Hiện tại Trường có 201 cán bộ, viên chức (trong đó có 155 cán bộ giảng dạy). Số cán bộ giảng dạy bao gồm: 01 phó giáo sư, 08 tiến sĩ, 137 thạc sĩ, 09 đại học, khác.

- Tổng số giảng viên quy đổi: 233.5

- Tổng số chỉ tiêu quy định: 5837

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
1	Trần Minh Khôi	Nam		Đại học	Thể dục Thể thao	x				
2	Lê Thanh Đồng	Nam		Đại học	Thể dục Thể thao	x				
3	Hoàng Đình Dũng	Nam		Đại học	Thể dục Thể thao	x				
4	Trần Thị Hòa	Nữ		Đại học	Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
5	Lê Thị Lam Giang	Nữ		Đại học	Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
6	Trần Văn Đào	Nam		Đại học	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
7	Hoàng Thị Hà	Nữ		Đại học	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
8	Đậu Văn Thịnh	Nam		Đại học	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
9	Bùi Hoàng Lê	Nam		Đại học	Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
10	Đậu Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
11	Đào Thị Minh Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin		51140201	Giáo dục Mầm non		
12	Hồ Vĩnh Giang	Nam		Thạc sĩ	Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
13	Trần Thị Kim Uyên	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
14	Lê Thị Hương Giang	Nữ		Thạc sĩ	Văn Hóa học		51140201	Giáo dục Mầm non		
15	Lê Thị Hồng Phương	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
16	Lê Thị Hoài Thương	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
17	Lê Thị Cẩm Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
18	Lê Đình Cường	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
19	Lê Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
20	Hoàng Thị Hải Quế	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
21	Trần Bích Hải	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
22	Thái Thị Đào	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		51140201	Giáo dục Mầm non		
23	Phan Văn Thắng	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
24	Phan Thị Thúy Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
25	Phan Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
26	Phan Hồng Ngọc	Nam		Thạc sĩ	Văn Hóa học		51140201	Giáo dục Mầm non		
27	Phạm Thanh Vinh	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
28	Lê Thị Thu Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý		51140202	Giáo dục Tiểu học		
29	Lê Thị Chiên	Nữ		Thạc sĩ	Địa lý		51140202	Giáo dục Tiểu học		
30	Lê Thị Ánh Nga	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Tiểu học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
31	Cao Thị Hiên	Nữ		Thạc sĩ	Hóa học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
32	Vũ Thị Thu Hoài	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
33	Vũ Thị Hà Giang	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
34	Trần Văn Quang	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
35	Nguyễn Văn Phúc	Nam		Thạc sĩ	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
36	Nguyễn Văn Khanh	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
37	Nguyễn Tùng Khánh	Nam		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
38	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
39	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
40	Nguyễn Thị Thu Giang	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học		51140201	Giáo dục Mầm non		
41	Nguyễn Thị Thành Vân	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
42	Nguyễn Thị Sương Lan	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
43	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
44	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
45	Nguyễn Thị Quý Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
46	Nguyễn Thị Phước Mỹ	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
47	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
48	Nguyễn Thị	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
	Nga							Mầm non		
49	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
50	Nguyễn Thị Mai	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
51	Nguyễn Thị Hoài Dung	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
52	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ		Thạc sĩ	Mỹ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
53	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
54	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
55	Nguyễn Phi Hùng	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
56	Nguyễn Ngọc Thương Thương	Nữ		Thạc sĩ	Văn Hóa học		51140201	Giáo dục Mầm non		
57	Ngô Thị Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
58	Ngô Thanh Bằng	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học		51140201	Giáo dục Mầm non		
59	Lê Văn Lưu	Nam		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
60	Lê Thị Việt An	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
61	Lê Thị Thắm	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140201	Giáo dục Mầm non		
62	Lê Thị Phương Dung	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
63	Lê Thị Ngọc Thúy	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
64	Hoàng Thị Bích Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
65	Hồ Thị Phương Mai	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
66	Doãn Thị Mai Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
67	Đào Thị Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
68	Đào Thị Minh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
69	Đặng Xuân Trường	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
70	Đặng Thị Nguyên	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
71	Chu Thị Mỹ Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
72	Bùi Thị Thúy	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
73	Bùi Thị Thanh Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
74	Bùi Thị Hương	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
75	Trịnh Công Sơn	Nam		Thạc sĩ	Toán học		51140209	Sư phạm Toán		
76	Lê Hoài Thu	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
77	Hoàng Thị Hồng Minh	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
78	Vương Thị Anh Đào	Nữ		Thạc sĩ	chính trị	x				
79	Vũ Thị Thanh Tú	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
80	Võ Thị Thanh Hà	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn	x				
81	Văn Thị Hồng	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
82	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
83	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
84	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
85	Nguyễn Thị Ngọc Thành	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
86	Nguyễn Thị Lanh	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
87	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
88	Nguyễn Thị Kim Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
89	Nguyễn Thị Kim Chung	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý	x				
90	Nguyễn Thị Hương Trà	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
91	Nguyễn Thị Hương	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
92	Nguyễn Thị Hương	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
93	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
94	Nguyễn Thị An	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
95	Nguyễn Anh Tài	Nam		Thạc sĩ	Chính trị	x				
96	Nguyễn Thị Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
97	Lưu Thanh Tú	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
98	Lê Thị Quỳnh Thương	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
99	Lê Thị Na	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
100	Lê Thị Lệ Hà	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
101	Lê Thị Hương Quê	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị	x				
102	Lê Thị Hồng Thái	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
103	Lê Thị Cẩm Mỹ	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ Thông tin	x				
104	Lương Thị Tú Oanh	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý		51140209	Sư phạm Toán		
105	Hoàng Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140209	Sư phạm Toán		
106	Hồ Thị Loan	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý		51140209	Sư phạm Toán		
107	Đậu Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Toán học		51140209	Sư phạm Toán		
108	Trần Kim Tú	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
109	Thái Thị Mai Liên	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
110	Phan Thị Thanh An	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
111	Phan Thị Minh Châu	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
112	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
113	Phạm Thị Mai Anh	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
114	Phạm Thị Hợp	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
								Anh		
115	Nguyễn Thị Xuân Đào	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
116	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
117	Lê Thị Thanh Hoa	Nữ		Thạc sĩ	Chính trị		51140231	Sư phạm Tiếng Anh		
118	Trần Thị Kim Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140213	Sư phạm Sinh học		
119	Tô Thị Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140213	Sư phạm Sinh học		
120	Nguyễn Thị Hồng Chinh	Nữ		Thạc sĩ	Hóa học		51140213	Sư phạm Sinh học		
121	Lê Văn Sách	Nam		Thạc sĩ	Sinh học		51140213	Sư phạm Sinh học		
122	Đinh Thị Thu Phương	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140213	Sư phạm Sinh học		
123	Trần Thị Lệ Dung	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
124	Tạ Thị Thanh Hà	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
125	Nguyễn Lâm Huy	Nam		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
126	Nguyễn Cao Kiên	Nam		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
127	Đoàn Thị Kim Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
128	Phạm Thị Thanh Huệ	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140218	Sư phạm Lịch sử		
129	Phan Thị Châu	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử		51140218	Sư phạm Lịch sử		
130	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ		Thạc sĩ	Hán nôm		51140218	Sư phạm Lịch sử		
131	Trịnh Xuân Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Hóa học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
132	Trịnh Thị Bàn	Nữ		Thạc sĩ	Thể dục Thể thao		51140202	Giáo dục Tiểu học		
133	Trịnh Khắc Thùy Hương	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140202	Giáo dục Tiểu học		
134	Trần Thị Phương Thảo	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
135	Trần Thị Ly Na	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
136	Trần Thị Hào	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
137	Trần Hải	Nam		Thạc sĩ	Vật lý		51140202	Giáo dục		

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã	Tên ngành	Mã	Tên ngành
	Hưng							Tiểu học		
138	Phùng Nguyễn Quỳnh Nga	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140202	Giáo dục Tiểu học		
139	Phan Thị Dung	Nữ		Thạc sĩ	Hóa học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
140	Phạm Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Tiếng Anh		51140202	Giáo dục Tiểu học		
141	Phạm Đình Hoà	Nam		Thạc sĩ	Toán học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
142	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Vật lý		51140202	Giáo dục Tiểu học		
143	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
144	Nguyễn Thị Hoài Quyên	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
145	Nguyễn Thị Hoài An	Nữ		Thạc sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
146	Nguyễn Như Ý	Nữ		Thạc sĩ	Toán học		51140202	Giáo dục Tiểu học		
147	Trần Anh Tư	Nam		Tiến sĩ	Ngữ văn		51140217	Sư phạm Ngữ văn		
148	Thái Doãn Việt	Nam		Tiến sĩ	Chính trị	x				
149	Nguyễn Văn Dũng	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	x				
150	Trần Thị Cẩm Thơ	Nữ		Tiến sĩ	Toán học		51140209	Sư phạm Toán		
151	Hoàng Đình Hải	Nam		Tiến sĩ	Vật lý		51140202	Giáo dục Tiểu học		
152	Đàm Thị Ngọc Ngà	Nữ		Tiến sĩ	Ngữ văn		51140202	Giáo dục Tiểu học		
153	Nguyễn Văn Thành	Nam		Tiến sĩ	Thể dục Thể thao		51140201	Giáo dục Mầm non		
154	Hồ Thị Việt Yến	Nữ		Tiến sĩ	Văn Hóa học		51140201	Giáo dục Mầm non		
155	Lưu Tiến Hưng	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Vật lý		51140202	Giáo dục Tiểu học		
	Tổng số giảng viên toàn trường: 155									

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non
Không.

III. Các thông tin tuyển sinh của năm 2020

1. Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông)

1.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương (tại thời điểm xét tuyển).
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển thí sinh trên cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020 của các môn văn hoá thuộc tổ hợp và điểm thi môn Năng khiếu do Trường CĐSP Nghệ An tổ chức.
- Xét tuyển theo kết quả học tập được ghi trong học bạ THPT của các môn văn hoá thuộc tổ hợp và điểm thi môn Năng khiếu do Trường CĐSP Nghệ An tổ chức.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

1.4.1. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	51140201	Giáo dục Mầm non	Số 5945/QĐ-BGDĐT	22/12/2010	Bộ GD-ĐT	2002	2019

1.4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	200	200	M00 (Ngữ văn, Toán, Đọc diễn cảm - Hát)		M07 (Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu)		M11 (Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu)		M14 (Toán, Địa lí, Năng khiếu)	

Ghi chú: Môn Năng khiếu gồm: Đọc diễn cảm - Hát

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

1.5.1. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

a) Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020:

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD-ĐT qui định.

b) Xét tuyển theo kết quả học tập được ghi trong học bạ THPT:

- Học lực lớp 12: Loại Khá trở lên.

- Điểm trung bình cộng các môn văn hoá lớp 12 (theo tổ hợp xét tuyển) từ 6.5 trở lên (tính cả điểm ưu tiên đối tượng và khu vực theo quy định của Bộ GD-ĐT).

1.5.2. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT (áp dụng cho cả hai phương thức xét tuyển):

Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên.

1.6. Các thông tin khác

1.6.1. Thông tin ĐKXT và điều kiện xét tuyển:

- Mã trường: C29

- Mã ngành: 51140201

- Tổ hợp xét tuyển: M00; M07; M11; M14.

- Điều kiện về hạnh kiểm (áp dụng cho tất cả các phương thức tuyển sinh): Hạnh kiểm lớp 12 loại Khá trở lên.

- Điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển: Không.

- Điều kiện phụ: TD (Tổng điểm chưa cộng ưu tiên): Trong trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì sẽ ưu tiên thí sinh có tổng điểm (chưa cộng điểm ưu tiên) cao hơn.

- Điểm xét tuyển được tính:

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm Năng khiếu + Điểm ưu tiên (Trong đó môn 1, môn 2 là các môn văn hoá theo tổ hợp xét tuyển).

1.6.2. Thông tin về các loại hồ sơ:

1.6.2.1. Hồ sơ xét tuyển theo phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Đợt 1: Thí sinh đăng ký trên hệ thống quản lý thi tốt nghiệp THPT của Bộ GD-ĐT.

- Các đợt bổ sung:

+ Túi đựng hồ sơ (mẫu sẵn mua ở ngoài);

+ Mẫu ĐKXT do Trường CĐSP Nghệ An ban hành tại website: <http://cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*);

+ Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 (bản sao công chứng);

+ Bảng tốt nghiệp THPT (bản sao công chứng) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp (nếu tốt nghiệp năm 2020) (bản sao công chứng);

+ Chứng minh nhân dân (bản sao công chứng);

- + 02 ảnh 4x6;
- + Các loại giấy tờ ưu tiên nếu có (bản sao công chứng).

1.6.2.2. Hồ sơ xét tuyển theo phương thức Xét kết quả học bạ THPT (tất cả các đợt):

- + Túi đựng hồ sơ (mẫu sẵn mua ở ngoài);
- + Mẫu ĐKXT do Trường CĐSP Nghệ An ban hành tại website: <http://cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*);
- + Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao công chứng) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp (nếu tốt nghiệp năm 2020) (bản sao công chứng);
- + Học bạ THPT (bản sao công chứng);
- + Chứng minh nhân dân (bản sao công chứng);
- + 02 ảnh 4x6;
- + Các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có) (bản sao công chứng).

1.6.2.3. Hồ sơ ĐKDT Năng khiếu:

- + Túi đựng hồ sơ (mẫu sẵn mua ở ngoài);
- + Mẫu ĐKDT Năng khiếu do Trường CĐSP Nghệ An ban hành tại website: <http://cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*).
- + Chứng minh nhân dân (bản sao công chứng);
- + 02 ảnh 4x6;

1.7. Tổ chức tuyển sinh

1.7.1. Địa chỉ, hình thức thu nhận hồ sơ và tra cứu thông tin:

- Địa chỉ: Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học, Trường CĐSP Nghệ An. Địa chỉ: Số 389, đường Lê Việt Thuật, xã Hưng Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Hình thức thu nhận: Nộp trực tiếp hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện.

1.7.2. Thời gian thu nhận hồ sơ:

a) Đợt 1:

- Đăng ký xét tuyển (ĐKXT) theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: Theo quy định của Bộ GD-ĐT.
- Đăng ký xét tuyển (ĐKXT) theo kết quả học tập được ghi trên học bạ THPT: Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 15/8/2020.
- Đăng ký dự thi (ĐKDT) môn Năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát): Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 15/8/2020.

b) Các đợt bổ sung (nếu có):

Nhà trường sẽ thông báo trên website: <http://cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*).

1.7.3. Lịch xét tuyển:

a) Đợt 1:

- Xét tuyển theo kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020: Theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT.

- Xét tuyển theo kết quả ghi trên học bạ THPT: Cùng với đợt xét tuyển theo phương thức Xét tuyển theo kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020.

b) Các đợt bổ sung (nếu có):

Nhà trường sẽ thông báo trên website: <http://cdspna.edu.vn> (mục *Tuyển sinh*).

1.7.4. Lịch thi Năng khiếu:

- Đợt 1: Dự kiến tổ chức vào các ngày **20 và 21/8/2020**

- Các đợt bổ sung: Căn cứ vào kết quả tuyển sinh đợt 1, Trường sẽ quyết định và thông báo cụ thể trên website <http://cdspna.edu.vn> trước mỗi đợt xét tuyển bổ sung.

1.7.5. Các điều kiện xét tuyển:

a) Xét tuyển theo kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương.

+ Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 các môn văn hoá thuộc tổ hợp xét tuyển và điểm thi môn Năng khiếu đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng do Bộ GD-ĐT quy định.

+ Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên.

b) Xét tuyển theo kết quả học tập được ghi trong học bạ THPT:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và tương đương.

+ Học lực lớp 12: Loại Khá trở lên.

+ Hạnh kiểm lớp 12: Loại Khá trở lên.

1.7.6. Môn thi Năng khiếu sử dụng để xét tuyển:

Sử dụng điểm môn thi Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát) do Trường CĐSP Nghệ An tổ chức theo các đợt tuyển sinh.

1.7.7. Tổ hợp môn xét tuyển (chung cho cả 2 phương thức xét tuyển):

+ M00: Toán, Ngữ văn, Đọc diễn cảm - Hát

+ M07: Ngữ văn, Địa lý, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

+ M11: Ngữ văn, Tiếng Anh, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

+ M14: Toán, Địa lý, Năng khiếu (Đọc diễn cảm - Hát)

Đối với phương thức Xét tuyển theo kết quả ghi trên học bạ THPT điểm các môn xét tuyển là điểm tổng kết môn của năm học lớp 12.

1.7.8. Nguyên tắc xét tuyển:

Lấy điểm tổng cộng (đã cộng ưu tiên) từ cao xuống cho đến khi hết chỉ tiêu theo từng phương thức xét tuyển (trường hợp thí sinh có **Điểm xét tuyển** bằng nhau, thí sinh có **tổng điểm** (TD) của các môn trong tổ hợp cao hơn sẽ được ưu tiên chọn).

1.8. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng: Không

- Ưu tiên xét tuyển: Chính sách cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng áp dụng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT.

1.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/thí sinh/nguyên vọng.
- Lệ phí dự thi Năng khiếu (Độc diễn cảm - Hát): 250.000đ/hồ sơ

1.10. Học phí với sinh viên chính quy; dự kiến lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

- Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Nghệ An thuộc diện chỉ tiêu được hưởng ngân sách không phải đóng học phí.
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh thành khác đóng học phí theo quy định của UBND tỉnh Nghệ An.
- Mức thu học phí:
 - + Năm học 2020-2021: 740.000đồng/sinh viên/tháng
 - + Năm học 2021-2022 trở đi: Theo quyết định của các cấp có thẩm quyền ban hành.
- Mức thu theo tín chỉ: Căn cứ vào chương trình đào tạo hiện nay của nhà trường, nhà trường sẽ quy đổi để thu học phí theo tín chỉ trên cơ sở tổng số học phí thu theo tín chỉ của cả khóa học không vượt quá mức học phí quy định cho khóa học nếu thu theo năm học.

1.11. Các nội dung khác

1.11.1. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký xét tuyển:

- Địa chỉ website của Trường: <http://cdspna.edu.vn>
- Thông tin cán bộ tuyển sinh:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	Đàm Thị Ngọc Ngà	TP Đào tạo - NCKH	0912 297 773	ngacdspna@gmail.com
2	Dương Quang Hào	CV Phòng Đào tạo - NCKH	0962 643 242	duongquanghao@gmail.com
3	Phạm Thị Mỹ	CV Phòng Đào tạo - NCKH	0912 348 278	phammy10@gmail.com
4	Lê Thị Hoài Thương	CV Phòng Đào tạo - NCKH	0974 464 717	thuongthuongdhv21@gmail.com

1.11.2. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung:

- Bổ sung đợt 1: Từ ngày 04/10 đến ngày 20/10 (Công bố kết quả trúng tuyển ngày 20/10).
- Bổ sung đợt 2: Từ ngày 21/10 đến ngày 16/11 (Công bố kết quả trúng tuyển ngày 16/11).
- Các đợt tiếp theo (nếu có), Nhà trường sẽ thông báo trên website <http://cdspna.edu.vn>

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học

Không.

1.13. Tình hình việc làm (Thống kê cho 2 khoá tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Tình hình việc làm năm 2018:

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành/ Nhóm ngành I		550		574		525		95.62
Tổng		550		574		525		95.62

1.13.2. Tình hình việc làm năm 2019:

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm (%)	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Khối ngành/ Nhóm ngành I		550		460		392		79.34
Tổng		550		460		392		79.34

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 37.653.000.000 đồng.
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 14.500.000 đồng/sinh viên.

Trên đây là nội dung Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2020 của Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An. Nhà trường công bố công khai Đề án này trên Cổng thông tin của bộ GD-ĐT (<https://thituyensinh.vn/>), trên website của trường (<http://cdspna.edu.vn/>) và cam kết thực hiện theo đúng những nội dung đã nêu. *Chữ ký*

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- HT và PHT;
- Lưu VT, KHTC, ĐT-NCKH.

